

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2024 (bổ sung lần 1)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 17 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2024 (bổ sung lần 1); Báo cáo tổng hợp thẩm tra số 29/BC-HĐND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2024 (bổ sung lần 1), với tổng số tiền 64.564.926.169 đồng (Sáu mươi bốn tỷ, năm trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng).


(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 17 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2024./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành ủy), HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS. 

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh

Phụ lục
PHÂN BỐ KINH PHÍ CHO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH NĂM 2024
(Bổ sung lần 1)

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nguồn kinh phí/Nhiệm vụ chi/Đơn vị thực hiện	Số tiền
	TỔNG CỘNG	64.564.926.169
I	Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế tỉnh điều hành năm 2024	16.152.400.000
	<i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số mới năm 2024</i>	<i>16.152.400.000</i>
-	Sở Thông tin và Truyền thông	700.000.000
-	Sở Tài nguyên và Môi trường	3.754.200.000
-	Công an tỉnh	4.456.200.000
-	Sở Công Thương	77.000.000
-	Sở Nội vụ	4.165.000.000
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3.000.000.000
II	Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề tỉnh điều hành năm 2024	77.740.000
	<i>Kinh phí tổ chức lớp Bồi dưỡng kiến thức dành cho cán bộ quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030</i>	<i>77.740.000</i>
-	Văn phòng Tỉnh ủy	77.740.000
III	Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG)	18.968.217.169
1	<i>Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững đã thu hồi về kết dư ngân sách tỉnh</i>	<i>1.663.391.169</i>
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	158.900.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	94.600.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	261.600.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	204.200.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	246.200.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	149.800.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	169.200.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	163.400.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	215.491.169
2	<i>Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã thu hồi về ngân sách tỉnh</i>	<i>15.106.826.000</i>
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	34.736.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	1.981.791.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	2.464.447.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	1.826.185.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	1.975.174.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	2.067.050.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	1.896.670.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	2.860.773.000

STT	Nguồn kinh phí/Nhiệm vụ chi/Đơn vị thực hiện	Số tiền
3	<i>Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới</i>	2.198.000.000
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	248.000.000
-	Sở Nội vụ	325.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	410.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	415.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	380.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	240.000.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	180.000.000
IV	<i>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2023 chuyển sang năm 2024</i>	3.114.300.000
	<i>Kinh phí thực hiện các mô hình hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm</i>	3.114.300.000
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	103.300.000
-	Sở Khoa học và Công nghệ	671.700.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	1.014.200.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	587.900.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	737.200.000
V	<i>Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024</i>	26.252.269.000
1	<i>Kinh phí thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chức danh, mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</i>	23.873.000.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	2.207.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	2.043.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	3.066.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	4.228.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	4.474.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	2.478.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	3.341.000.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	2.036.000.000
2	<i>Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội</i>	471.998.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	416.642.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	55.356.000
3	<i>Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế</i>	1.907.271.000
-	Sở Y tế	180.274.000
-	Ban Dân tộc tỉnh	177.311.000
-	Ban quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể	206.595.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	134.108.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	160.124.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	469.929.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	327.274.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	251.656.000